

KEY & EXPLANATION – DAY 7

Practice 1 + 2 (File 7.1)

1A	<p><u>Do you live around here?</u></p> <p>(A) Yes, <u>within walking distance.</u> (B) No, I don't <u>talk about</u> it. (C) I will leave tomorrow.</p>
2B	<p><u>Have you ever considered quitting your job?</u></p> <p>(A) I've never seen it. (B) No, I'm <u>happy with this job.</u> (C) She hasn't done it yet.</p>
3C	<p><u>May I sit next to you?</u></p> <p>(A) I am <u>occupied with something.</u> (B) This seat is <u>already clean.</u> (C) Sorry, but <u>someone is sitting here.</u></p>
4A	<p><u>Should I turn on the air conditioner?</u></p> <p>(A) Actually, you can't. <u>It's broken.</u> (B) Yes, <u>you should turn right.</u> (C) It's too complicated.</p>
5B	

	<p><u>Does Sarah know what to do next?</u></p> <p>(A) I don't <u>know what to do</u>. (B) I've already <u>explained it to her</u>. (C) Yes, she did.</p>
6B	<p>Do you want to <u>share a taxi to the airport</u>?</p> <p>(A) I'd <u>like a break</u>. (B) Actually, Jack is <u>giving me a ride</u>. (C) I <u>will be back then</u>.</p>
7A	<p><u>May I ask you where you're from?</u></p> <p>(A) I am from London. (B) He <u>came from the other branch</u>. (C) You <u>may ask her</u>.</p>
8B	<p><u>Should we change caterers?</u></p> <p>(A) The <u>food you ordered</u> was good. (B) I think <u>that would be ideal</u>. (C) I <u>haven't changed it</u>.</p>

Practice 3

1A. Câu hỏi liên từ Nhìn sau từ cần điền thấy S+V	11C. Câu hỏi liên từ Nhìn sau từ cần điền thấy S+V
--	---

Chọn A hoặc D (Loại C vì Moreover , S+V và loại B vì Due to + N)	Loại A, B và D (vì both cần and, in spite of và in case of + N)
2A. Câu hỏi liên từ Nhìn sau từ cần điền thấy S+V Loại C vì despite + N Phân vân A, B và D Dịch: Nếu bạn bao gồm hóa đơn gốc trong hàng chuyển phát (Mail), hàng trả của bạn sẽ được xử lý với cách thức hiệu quả	12D. Câu hỏi liên từ Neither ... nor với 2 yếu tố trước và sau song song “insufficient support” (cụm danh từ) và “a lack of commitment” (cụm danh từ)
3A. Câu hỏi liên từ Either ... or với 2 yếu tố trước và sau “or” đồng nhất (to work và to commute)	13B. Câu hỏi liên từ Nhìn sau từ cần điền thấy S+V Loại A, C, D vì 3 từ đều cần , S+V
4A. Câu hỏi liên từ Chọn “or” với 2 yếu tố trước và sau song song “on the Internet” và “at the ticket office”	14C. Câu hỏi liên từ Both ... and với 2 yếu tố trước và sau song song “strict reforms” (cụm danh từ) và “the layoffs of temporary workers” (cụm danh từ)
5B. Câu hỏi chia động từ Chủ ngữ số nhiều: Both Mr. Kim and Mr.	15. Lắp câu 14

Choi => HAVE BEEN CHOSEN	
<p>6B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Nhìn sau từ cần điền thấy N</p> <p>Phân vân A, C, D (loại B vì as if + SV)</p> <p>Dịch: Vì hệ thống bán vé tự động, KH Airline đưa ra các mức giá tốt nhất cho những chuyến đi tới các quốc gia tại Đông Nam Á</p>	<p>16B. Câu hỏi từ loại</p> <p>Sau từ cần điền là một cụm danh từ (losses from serious flood damage in the region)</p> <p>Phân vân A và B (2 từ đều đi được với danh từ)</p> <p>Dịch: Mức lợi nhuận đáng kể đã thu được dù có sự mất mát từ thiệt hại do lũ lụt nghiêm trọng trong khu vực</p>
<p>7B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Neither nor với cấu trúc song song giữa Ms. Lawson và Mr. Woods</p>	<p>17C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là một cụm danh từ “the losses of our international office”</p> <p>Chọn C vì despite là từ duy nhất đi với danh từ</p>
<p>8D. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là S+V nên phân vân cả 4 đáp án</p> <p>Dịch: Ông Fraser đang được cân nhắc cho việc thăng chức mặc dù ông ấy không có sự ghi nhận về thành tựu</p>	<p>18C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là một danh từ</p> <p>Chọn C vì despite là từ duy nhất đi với danh từ</p>

nào ấn tượng	
<p>9B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền: S+V</p> <p>Phân vân B và C</p> <p>Dịch: Tôi sẽ tham gia hội thảo thay mặt cho sếp vì anh ấy yêu cầu tôi làm vậy</p> <p>(on behalf of sb: thay mặt cho ai)</p>	<p>19A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là một cụm danh từ “health regulations”</p> <p>Chọn A vì because of là từ duy nhất đi với danh từ</p>
<p>10C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Nhìn sau từ cần điền thấy cụm danh từ “Power maintenance in the building”</p> <p>Phân vân B và C</p> <p>Dịch: Do / Vì có bảo trì điện trong tòa nhà, dịch vụ sẽ bị gián đoạn từ 3-5 giờ thứ 6</p>	<p>20C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là một dấu , S+V</p> <p>Chọn C vì However là từ duy nhất đi với dấu , + SV</p>

HOMEWORK

Exercise 1

Answer	Transcript
	MR. TRUNG – LỚP TOEIC THẦY LONG 5

r	
1A	<p>Do you have time to review this draft?</p> <p>(A) Sure, when is good for you? (B) Sorry, but I didn't finish the draft. (C) I don't have the time.</p>
2B	<p>Can I ask you for a favor?</p> <p>(A) I didn't ask him for a favor. (B) Sorry, but I am just about to leave. (C) It was too hard.</p>
3A	<p>Have you seen Mr. Wilson this morning?</p> <p>(A) He is on vacation. (B) He is my new secretary. (C) I haven't been there.</p>
4B	<p>Do you happen to know where the quarterly report is?</p> <p>(A) The next quarterly meeting is January. (B) I think I saw it in the office cabinet. (C) It didn't happen to me.</p>
5A	

	<p>Should we change the conference schedule?</p> <p>(A) That's what the president wants. (B) The schedule hasn't been released yet. (C) I won't go there.</p>
6B	<p>Will you need anything while I am out?</p> <p>(A) Mr. Brown just stepped out. (B) I will call you if I need anything. (C) I didn't say anything.</p>
7A	<p>Have you finished contacting all our customers?</p> <p>(A) I am still working on it. (B) I haven't called her. (C) I wanted to contact you.</p>
8B	<p>Does this bus go to the subway station?</p> <p>(A) The subway station is a long way to walk. (B) No, take the other one. (C) The subway is not running now.</p>
9A	

	<p>Did you tell Martha about the promotion?</p> <p>(A) She already knows about it. (B) You will be promoted this time. (C) The promotion was not that successful.</p>
10B	<p>Do we have to cancel the sales event?</p> <p>(A) You have to organize it. (B) I don't think so. (C) The event turned out to be good.</p>

Exercise 2

	7 (A)	8 (C)	9 (B)	10 (B)
11 (C)	12 (A)	13 (B)	14 (B)	15 (A)
16 (C)	17 (C)	18 (A)	19 (B)	20 (B)
21 (C)	22 (A)	23 (A)	24 (C)	25 (C)
26 (B)	27 (A)	28 (B)	29 (B)	30 (A)
31 (C)				

7

M-Cn Do you think it'll rain tomorrow?

W-Am **(A) Yes, probably.**

(B) Let me show you how.

(C) No, he can't.

8

W-Br When will the new building be finished?

M-Au (A) Across from the pharmacy.

(B) For the new meeting room.

(C) By the end of the month.

9

W-Am How was the fund-raising event yesterday?

M-Cn (A) Yes, at eight o'clock.

(B) It was very successful.

(C) The Wilson Hotel.

10

- M-Au Where is a good place for a quick lunch?
W-Br (A) Yes, I won the race.
(B) The sandwich shop next door.
(C) About four dollars.

11

- M-Cn Don't you work upstairs?
W-Am (A) She prefers to take the stairs.
(B) I don't use it very well.
(C) No, my office is on this floor.

12

- W-Br You submitted the travel request, didn't you?
M-Cn **(A) Yes, this morning.**
(B) Fifteenth and Greene Street.
(C) That would be OK.

13

W-Am Who's going to take notes at Thursday's meeting?

M-Au (A) Several pages.

(B) I'll be on vacation then.

(C) The charger is broken.

14

M-Cn Why can't we replace the computers?

W-Am (A) The copies are in black and white.

(B) Because the budget's not big enough.

(C) On the table is fine.

15

M-Au Shouldn't we update our company logo?

(A) No, we'll have to get approval first.

(B) That date is convenient.

(C) I go there often.

16

- W-Am When are they going to hire someone to fill the open position?
- M-Au (A) Would you like coffee or tea?
(B) I think I left my office door open.
(C) There are three people left to interview.

17

- M-Cn I heard Fatima is presenting her proposal today.
- W-Br (A) Sure, I will.
(B) We bought them each a present.
(C) Oh, I thought that was tomorrow.

18

- W-Am Why don't we invite Ms. Li to the business dinner?
- M-Cn **(A) I do have her e-mail address.**
(B) A bowl of vegetable soup.
(C) I'm sorry, I thought I returned it.

19

M-Au What repair work needs to be done on this car?

- W-Br (A) Yes, that's right.
(B) I haven't finished checking it.

20

M-Cn Who should I call to set up my printer?

- W-Am (A) At twelve o'clock.
(B) The phone number's on your desk.
(C) The weather forecast.

21

W-Br Have you ordered more whiteboards for the office yet?

- M-Au (A) Yes, the board of directors.
(B) A receipt for the uniforms.
(C) Cathy's in charge of supplies.

22

- M-Au There's a special exhibition at the art gallery.
W-Br (A) Yes, I read an article about it.
(B) She has a high salary.
(C) At the next stoplight.

23

- W-Am Can I start the videoconference now?
M-Cn (A) No, let's wait a few minutes.
(B) It was very popular.
(C) That candidate won.

24

- W-Br Who authorized that purchase?
W-Am (A) Within an hour or so.
(B) Yes, about the budget.
(C) Someone in the accounting department.

25

- M-Cn Why is the library so busy today?
- M-Au (A) Sure, I have some time.
(B) He got a job at a news magazine.
(C) Have you seen today's event schedule?

26

- W-Br We should really buy a new coffee maker.
- M-Cn (A) Cream and sugar, please.
(B) That's a good idea.
(C) No, put it on my desk.

27

- W-Br I'm afraid I won't be able to lead the tour this afternoon.
- M-Au **(A) OK, thanks for letting me know.**
(B) I left it for you by the elevator.
(C) No, maybe just a quick update.

28

- M-Au We still need to sign our contract with the advertising agency, don't we?
- W-Br (A) My travel agent found me a great hotel.
(B) Yes, by next Friday.
(C) I saw that commercial as well.

29

- W-Am Should I bring some photography samples to the job interview?
- M-Cn (A) Please sign your name here.
(B) I've seen them online.
(C) What a nice view!

30

- M-Au Is there a room in the store where I can try this shirt on?
- W-Br **(A) You can follow me.**
(B) We'll try harder next time.
(C) She's not here right now.

31

- M-Cn Would you like to meet on Tuesday or Wednesday?
- W-Am (A) Actually, he did like it.
(B) The staffing policy.
(C) I don't have my appointment book with me.

Exercise 3

<p>1A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Chọn A vì 2 yếu tố trước và sau từ cần điền song song: “part time” và “full time”</p>	<p>16B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Either ... or</p>
<p>2C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “the expensive new sound and lighting system”</p> <p>Phân vân C và D</p> <p>Dịch: Nhà hát sẽ tăng giá vé do hệ thống âm thanh và ánh sáng mới đắt đỏ</p>	<p>17C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Sau từ cần điền là một cụm danh từ “the fact that the restaurant was rather empty”</p> <p>“that +SV” phía sau danh từ the fact chỉ mang tính chất bổ nghĩa</p> <p>Chọn C vì despite là từ duy nhất đi với danh từ</p>
<p>3B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “her experience in sales”</p> <p>Chọn B vì Besides (bên cạnh, ngoài...) là từ duy nhất đi với danh từ</p>	<p>18D. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một S+V</p> <p>Phân vân giữa A và D (loại B vì both cần and & loại C vì Yet, S+V)</p> <p>Dịch: Trong khi một số dầu nhỏ tại bang Oklahoma được xuất</p>

	khẩu tới Far East, hầu hết lượng dầu được tiêu thụ trong quốc gia
4C. Câu hỏi từ liên từ Phía sau từ cần điền là một S+V Chọn C vì since (bởi vì) là từ duy nhất đi với mệnh đề	19C. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “the rise in demand” (các bạn cứ thấy mạo từ a/an/the hoặc TTSH là sẽ tự động hiểu đó là danh từ Chọn C vì despite là từ duy nhất đi với danh từ
5A. Câu hỏi từ liên từ Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “repeated delays in construction” Chọn A vì despite là từ duy nhất đi với cụm danh từ	20A. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một mệnh đề “it is due” Phân vân A, B, C Dịch: Theo như hướng dẫn bồi thường, nhân viên người thường hoàn thành công việc của họ trước khi nó tới hạn có thể nhận được tiền thưởng

<p>6A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một mệnh đề</p> <p>Chọn A vì although là từ duy nhất đi với mệnh đề</p>	<p>21B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một S+V (they are requested by ta physician)</p> <p>Chọn B vì as soon as là từ duy nhất đi với mệnh đề</p> <p>A as well as B (loại)</p> <p>In regard to: chưa học từ này nhưng nó kết thúc bởi giới từ “to” => đi với danh từ (loại)</p> <p>In addition to + N (bổ sung, thêm vào ..)</p>
<p>7A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Neither ... nor</p>	<p>22D. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là cụm danh từ “emergency repairs to water lines”</p> <p>Chọn D vì because of là từ duy nhất đi với danh từ</p>
<p>8B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một mệnh đề “it looks like rain”</p>	<p>23</p> <p>22C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một mệnh đề</p>

<p>Phân vân A, B, C</p> <p>Dịch: Buổi lễ ngoài trời sẽ không bị hoãn mặc dù trời trông sắp mưa</p>	<p>“the deadline for submitting slogans has passed”</p> <p>Phân vân giữa A, C, D</p> <p>Dịch: Giám khảo bắt đầu kiểm tra các đơn nộp ứng tuyển vì hạn chót cho việc nộp các câu khẩu hiệu đã qua</p>
<p>9A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một S+V</p> <p>Phân vân giữa A và B</p> <p>Dịch: Khách sạn sẽ không chấp nhận khách mặc dù trời trông sắp mưa</p>	<p>24. Lặp câu 23</p>
<p>10C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Để ý trước từ cần điền, các động từ đều được chia nguyên thể “have”, “research”, “be”, “have” nên sử dụng liên từ “and”</p>	<p>25B. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một mệnh đề, cả 4 đáp án đều có thể đi với mệnh đề</p> <p>Dịch: Nếu nhiệt của lò nung được chỉnh quá cao, những đồ gốm ở trong sẽ bị hỏng</p>
<p>11B. Câu hỏi liên từ</p>	<p>26A. Câu hỏi liên từ</p>

Not only ... but also	<p>Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “an increase in small, individual furnaces”</p> <p>Cả 4 đáp án đề đi được với danh từ</p> <p>Dịch: Vì sự gia tăng trong các lò nướng, ngành thổi thủy tinh đã trở thành một phương thức nghệ thuật dễ tiếp cận và phổ biến hơn</p> <p>Furnace: (N) lò nướng</p> <p>Glassblowing: (N) ngành thổi thủy tinh</p> <p>Art medium: (N) phương thức nghệ thuật</p> <p>Individual: (ADJ/N) cá nhân</p>
<p>12A. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một S+V</p> <p>Chọn A vì although là từ duy nhất đi với mệnh đề</p>	<p>27C. Câu hỏi liên từ</p> <p>Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “last-minute negotiations”</p> <p>Phân vân B và C (overall là ADJ, ADJ có thể đi với danh từ phía sau; thanks to + N)</p>

	<p>Dịch: Những luật sư báo cáo rằng việc sáp nhập đã kết thúc thành công nhờ có việc đàm phán vào phút chót</p> <p>Negotiation: (N) sự đàm phán</p> <p>Conclude: (V) kết thúc</p>
13B. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một S+V Phân vân A và B (But cũng đi với mệnh đề tuy nhiên từ “nhưng” sẽ không thể đứng đầu câu) Dịch: Trong khi nhân viên dọn phòng đang chuẩn bị phòng, tôi đã quyết định chờ ở ngoài	28A. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một S+V, tuy nhiên để sử dụng các liên từ như “because, although,...” thì cần có 2 vế. Liên từ là từ nối giữa 2 VẾ Vậy nên câu trên cần một từ bổ nghĩa cho chủ ngữ “industry professionals” Dịch: CHỈ CÓ những chuyên gia trong ngành công nghiệp được cho phép mua vé tới hội chợ Kuo Photopraphy
14C. Câu hỏi liên từ Liên từ “and” đã có trong câu Trước và sau “and” sẽ phải song song	29D. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một S+V (space in the bathroom was limited)

<p>với nhau về mặt loại từ, trước đó là “Compiling” thì sau sẽ là “Storing”</p>	<p>Phân vân B, C, D Dịch: Mặc dù không gian phòng tắm có hạn, nhà thầu vẫn xoay sở để vừa vặn 2 bồn rửa và một vòi hoa sen</p>
<p>15A. Câu hỏi liên từ Both ... and</p>	<p>30D. Câu hỏi liên từ Phía sau từ cần điền là một cụm danh từ “the high cost of fuel” Phân vân A, B,D (loại C vì trước và sau as soon as cần 2 loại từ song song) Dịch: Vì giá nhiên liệu cao, khách hàng sẽ mua những chiếc xe nhỏ và tối ưu hơn</p>

Exercise 4

Câu hỏi	Đáp án	Giải thích	Dịch	Mở rộng
131	A	Bấm theo nghĩa, việc chuyển văn phòng sẽ diễn ra vào tuần này nên đồ đạc của nhân viên cần phải được đóng gói trước thứ 6 A. Vì thế B. Thứ 3 C. Bất kể D. Thay vì => Chọn A	Việc chuyển đến tòa nhà trung tâm y tế mới của chúng ta sẽ diễn ra trong cuối tuần này. Vì thế, tất cả đồ đạc trên bàn của các bạn phải được đóng gói trước thứ 6 tuần này.	Pack (v): đóng gói Take place (v): diễn ra
132	C	Bấm vào câu trước, việc chuyển địa điểm này chưa diễn nên phải chia thì tương lai => Chọn C	Những hộp rỗng sẽ được chuyển đến cho các bạn vào lúc 8 giờ sáng ngày thứ 5.	Empty (adj): rỗng
133	D	Bấm theo nghĩa, khi những chiếc hộp tới văn phòng mới, nhân viên	Khi bạn tới địa điểm mới của chúng ta vào	Mailbox (n): hòm thư

		<p>cần bắt đầu mở ra ngay</p> <p>A. Hãy thưởng thức bữa ăn ở nhà hàng gần đó.</p> <p>B. Bạn cần kiểm tra hộp thư văn phòng của bạn.</p> <p>C. Công ty vận chuyển có những đánh giá rất tích cực.</p> <p>D. Xin vui lòng mở chúng ra ngay lập tức.</p> <p>=> Chọn D</p>	<p>sáng thứ 2, những chiếc hộp của bạn chắc đã ở văn phòng của bạn rồi.</p> <p>Xin vui lòng mở chúng ra ngay lập tức.</p>	
134	B	<p>Bám theo nghĩa, công ty muốn cảm ơn nhân viên vì đã làm việc vận chuyển trơn tru nhất có thể</p> <p>A. trực tiếp</p> <p>B. trơn tru</p> <p>C. chậm</p> <p>D. hoạt động</p> <p>=> Chọn B</p>	<p>Chúng tôi rất cảm kích vì sự hợp tác trong việc chuyển tới văn phòng của chúng ta một cách trơn tru nhất có thể.</p>	<p>Transition (n): chuyển tiếp</p>
139	D	<p>Bám theo nghĩa: Nhà sản xuất muốn cảm ơn người dùng vì đã chọn sản phẩm của mình</p> <p>A. đưa</p> <p>B. biểu diễn</p>	<p>Cảm ơn vì đã chọn cơ sở dữ liệu khoa học xã hội Sciorama X200. Sự lựa chọn của bạn là sự lựa chọn được yêu thích</p>	<p>Selection (n): sự lựa chọn Researcher (n): nhà nghiên cứu</p>

		C. viết D. chọn => Chọn D	bởi nhiều nhà nghiên cứu.	
140	A	Dấu hiệu: có đại từ sở hữu <i>your</i> => Đáp án phải là danh từ => Chọn A	Chúng tôi muốn được biết thêm nhiều hơn về trải nghiệm của bạn với cơ sở dữ liệu này qua 5 phút khảo sát.	Database (n): cơ sở dữ liệu Experience (n): trải nghiệm
141	C	Trước chỗ trống là giới từ <i>of</i> Sau chỗ trống là danh từ <i>appreciation</i> => Đáp án là 1 tính từ sở hữu Bám theo ngữ cảnh, đây là thư công ty gửi khách hàng nên đây phải là lời cảm ơn của chính công ty => Chọn C	Như 1 hành động cho sự cảm kích của chúng tôi, bạn sẽ tự động tham gia quay may mắn để nhận được thẻ quà \$100 từ Globiance Technologies.	As a token of sb's appreciation: như 1 hành động thay sự cảm kích Gift card (n): phiếu quà tặng
142	A	Bám theo nghĩa, thông tin của khách hàng sẽ được giữ kín và chỉ được sử dụng với mục đích thống kê A. Chúng sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê. B. Họ sẽ quyết định giải pháp nào được thông qua. C. Họ sẽ tiết lộ những khó khăn những nhân viên mới đã báo cáo. D. Họ sẽ đánh giá các lỗi 1 cách kỹ lưỡng.	Tất cả những phản hồi của bạn sẽ được giữ tuyệt mật. Chúng sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê.	Confidential (adj): bí mật Statistical purposes (n): mục đích thống kê New hires (n): nhân viên mới

Exercise 5

151	Khi nào thì quy tắc mới có hiệu lực? A. Vào ngày 13 tháng 8 B. Vào ngày 15 tháng 10 C. Vào ngày 3 tháng 11 D. Vào ngày 31 tháng 12	C	Dòng thứ 3 trong đoạn đầu tiên: <i>Among the changes to go into effect on November 3 are stricter fire safety standards for both commercial and residential buildings...</i> Những thay đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 3 tháng 11 là các tiêu chuẩn an toàn cháy nổ nghiêm ngặt hơn cho cả tòa nhà thương mại và nhà ở...	go into effect = become effective (v): có hiệu lực (n): tiêu chuẩn an toàn
152	Theo bài báo, cái gì sẽ trở nên đắt hơn? A. Các chi phí xây dựng B. Giá của những tấm pin mặt trời C. Chi phí bảo trì nhà cửa D. Hóa đơn tiền điện gia đình	A	3 dòng cuối cùng trong đoạn 2: <i>Finally, though the building phase will be more costly than usual, homeowners will save on electricity bills in the long term.</i> Cuối cùng, mặc dù giai đoạn xây dựng sẽ tốn kém hơn bình thường, nhưng các chủ nhà sẽ tiết kiệm được tiền điện về lâu dài.	building phase = construction phase (n): giai đoạn xây dựng more costly = more expensive: đắt hơn
155	Tại sao người đọc được khuyên mua đất? A. Để tránh phải đào bới sân của họ B. Để thúc đẩy sự phát triển của cây trồng C. Để hỗ trợ các khu vườn	B	3 dòng đầu tiên trong đoạn 2: <i>Next, purchase soil from your local garden center. Store -bought potting soil typically contains fertilizer to help indoor plants grow.</i>	help plants grow = promote plant growth (v): giúp cây trồng phát triển fertilizer (n): phân bón

	<p>địa phương</p> <p>D. Để đảm bảo rằng nước được phân phối đồng đều</p>		<p>Tiếp theo, hãy mua đất từ những trung tâm làm vườn ở địa phương của bạn. Bầu đất mua ở cửa hàng thường có chứa phân bón giúp cây trồng trong nhà phát triển.</p>	
156	<p>Mẹo nào KHÔNG được đề cập trong hướng dẫn?</p> <p>A. Để cây dưới ánh nắng mặt trời.</p> <p>B. Thay chậu hàng năm.</p> <p>C. Cảm nhận đất trước khi tưới nước.</p> <p>D. Dùng một cái chậu có đục lỗ.</p>	A	<p>Dòng cuối cùng trong đoạn 1:</p> <p><i>Make sure that there are holes in the bottom of the pot to let water flow out.</i></p> <p>Hãy đảm bảo đáy chậu có lỗ để nước có thể chảy ra ngoài.</p> <p>=> Loại D</p> <p>Dòng thứ 2 trong đoạn 3:</p> <p><i>Always check the soil before watering.</i></p> <p>Luôn luôn kiểm tra đất trước khi tưới nước.</p> <p>=> Loại C</p> <p>2 dòng cuối cùng trong văn bản:</p> <p><i>Each spring, repot your plant in a larger pot to allow room for the root system to grow.</i></p> <p>Vào mỗi mùa xuân, hãy thay chậu cây của bạn bằng một</p>	<p>replace the pot = repot (v): thay chậu cây water (v): tưới nước</p>

			chậu lớn hơn để có chỗ cho bộ rễ cây phát triển. => Loại B	
157	Từ "turned" trong đoạn 4, dòng 2, gần nghĩa nhất với A. xây dựng B. xoay vòng C. làm phiền D. trở nên	D	2 dòng đầu tiên trong đoạn cuối: <i>To maintain a healthy plant, pinch or cut off parts of the plant that have turned brown or withered.</i> Để duy trì một cái cây khỏe mạnh, hãy ngắt hoặc cắt bỏ các bộ phận của cây đã “chuyển sang” màu nâu hoặc khô héo.	turn = become (v): trở nên

	Mục đích của thông báo là gì? A. Thông báo cho nhân viên về các thủ tục cho một sự kiện B. Cung cấp cho người tham dự một lịch trình C. Yêu cầu tình nguyện viên làm việc tại một sự kiện D. Để cung cấp thông tin về các diễn giả hội nghị	A	Xuyên suốt đoạn đầu tiên trong thông báo: <i>The Geylang Conference Centre is hosting the Singapore Banking Conference on 20 April. The welcome desk will be open from 8:00 A.M. to 10:00 A.M. When checking in, conference attendees will need to present a valid form of identification...</i> Trung tâm Hội nghị Geylang sẽ tổ chức Hội nghị Ngân hàng Singapore vào ngày 20	inform = announce (v): thông báo procedure (n): thủ tục
158				

			tháng 4. Quầy lễ tân sẽ mở cửa từ 8:00 sáng đến 10:00 sáng. Khi nhận phòng, những người tham dự hội nghị sẽ phải xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ.	
159	Từ "present" trong đoạn 1, dòng 3, gần nghĩa nhất với A. giới thiệu B. đưa ra C. tham dự D. quà tặng	B	Dòng thứ 3 trong đoạn 1: <i>When checking in, conference attendees will need to present a valid form of identification.</i> Khi nhận phòng, những người tham dự hội nghị sẽ phải "xuất trình" giấy tờ tùy thân hợp lệ.	show = present (v): đưa ra, xuất trình cái gì
160	Theo thông báo, điều gì sẽ xảy ra khi kết thúc hội nghị? A. Các gói sẽ được thu thập. B. Hành lý sẽ được cất giữ. C. Một mẫu đánh giá sẽ được phát. D. Một bữa tiệc sẽ được tổ chức.	D	Dòng thứ 5, 6 và 7 trong đoạn 1: <i>After checking in, attendees will be handed a welcome packet, which includes a conference schedule, a map of the facility, and their ticket to the evening banquet.</i> Sau khi nhận phòng, những người tham dự sẽ được phát một gói tài liệu chào mừng, bao gồm lịch trình hội nghị, bản đồ cơ sở và vé tham dự	banquet (n): bữa tiệc evaluation form (n): mẫu đánh giá
			bữa tiệc tối của họ. => Sẽ có một bữa tiệc tối được tổ chức => Chọn D	

	Tại sao ông Robledo gửi email?		Dòng đầu tiên trong email: <i>I walked through the property at 301 N. Powell Avenue today.</i>	
164	A. Để yêu cầu gia hạn hợp đồng thuê B. Để đề nghị mở văn	C	Tôi đã đi xem khu bất động	property (n): bất động sản, khu đất, văn phòng,...
	phòng chi nhánh C. Để hỗ trợ di dời doanh nghiệp D. Để phản đối việc bán bất động sản		sản ở số 301 N. Powell Avenue hôm nay. Dòng đầu tiên của đoạn 3 trong e-mail: <i>Given the low price of the property, I think we should consider this location.</i> Với mức giá bất động sản thấp nhất, tôi nghĩ chúng ta nên xem xét địa điểm này.	
	Cái gì mà ông Robledo KHÔNG thể xem? A. Khu vực lề tân B. Nhà bếp C. Hệ thống sưởi D. Phòng họp	C	Dòng thứ 2, 3, 4 trong email: <i>....but the utility closet in the west hallway was locked. I am sure an inspector will be able to verify that the furnace and electrical circuit board in that space are in good working order should we choose to proceed with a purchase.</i> ...tủ đồ tiện ích ở hành lang phía tây đã bị khóa. Tôi chắc chắn rằng một kiểm tra viên sẽ có thể xác minh hệ thống sưởi và bảng mạch điện trong không gian đó đang hoạt động tốt nếu chúng ta tiến hành mua nơi này.	proceed (v): tiến hành utility (n): tiện ích (điện, nước...)
165	166	Từ "address" trong đoạn 2,	A	Dòng thứ 2 trong đoạn 2: address = attend

	dòng 2, gần nghĩa nhất với A. giải quyết B. viết tiếp C. công khai D. địa điểm		<i>However, there are some issues that we will need to address if we move forward...</i> Tuy nhiên, có một số vấn đề mà chúng ta sẽ cần “giải quyết” nếu xem xét tiếp nơi này...	to sth (v): giải quyết cái gì
167	Một trong những vấn đề mà ông Robledo đề cập đến là gì? A. Một số gạch đã bị vỡ. B. Một chìa khóa đã được đặt sai vị trí. C. Khu vực đậu xe quá nhỏ D. Vị trí không thuận tiện.	A	Dòng thứ 3 trong đoạn 2: <i>... the carpet in the reception area is discolored; some floor tiles in the east hallway are cracked; and there is chipped paint in the conference room.</i> ... thảm ở khu vực lễ tân bị bạc màu; một số gạch lát nền ở hành lang phía đông bị nứt vỡ; và có vết sơn sứt mẻ trong phòng họp.	be cracked = be broken: bị vỡ, bị nứt